

KINH ĐẠI THỪA BẢO VÂN

QUYỂN 5

Phẩm 5: AN LẠC HẠNH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Đại Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chương Ngại:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành mười pháp, ở bất cứ nơi đâu tâm cũng thường tịch tĩnh, trụ an lạc. Những gì là mười? Đó là:

Khéo tu nhớ nghĩ, quán sát về thân, thọ, tâm, pháp. Khéo tu nhớ nghĩ, quán sát cảnh giới nơi A-lan-nhã, các làng xóm, quốc thành, đô ấp, các sự lợi dưỡng, cung kính, tiếng danh, các giới cấm Như Lai đã chế, các loại phiền não bậc thượng, trung, hạ nơi bì nhục tâm. Khéo tu nhớ nghĩ quán sát như vậy.

Thiện nam! Bồ-tát quán sát thân mà trụ nơi an lạc như thế nào?

Đại Bồ-tát dùng trí tuệ quán sát thân này từ chân đến đỉnh đầu, chỉ thấy thân này là ba mươi sáu vật giả hợp thành người, niệm niệm sinh diệt, vô thường hư hoại, gân mạch liên kết đầy nhầy bất tịnh, không đáng ưa thích. Quán sát như vậy liền sinh chán bỏ. Do nhàm chán nên sự nhiễm thân, tham thân, kiến chấp thân, say đắm thân không còn sinh khởi. Do nhân duyên ấy nên tất cả những điều bất thiện cùng thân tương ưng đều được lìa xa, các pháp thiện cùng thân tương ưng được tăng trưởng.

Quán cảm thấy thọ, khéo tu ức niệm, trụ nơi an lạc như thế nào?

Đại Bồ-tát khởi sự tư duy: “Phàm tất cả các thọ đều là khổ. Vì sao? Vì kẻ phàm phu tối tăm, vô trí, điên đảo nên trong sự khổ tưởng là vui. Tất cả Thánh nhân chỉ thấy là khổ, lại có thể an lập tất cả chúng sinh đối với pháp này khiến được tùy thuận.” Học pháp như vậy, được quán thọ rồi, khéo trụ niệm xứ, nơi thọ khổ, thọ lạc không khởi sân, không khởi tham. Vì diệt thọ nên siêng tu ức niệm, ở trong pháp này khuyến hóa người khác cũng hành như vậy.

Quán sát tâm niệm xứ, trụ nơi an lạc như thế nào?

Bồ-tát khởi sự tư duy: “Tâm này điên đảo, vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là vui. Tất cả Thánh nhân chỉ thấy là khổ, lại có thể an lập tất cả chúng sinh đối với pháp này khiến được tùy thuận.” Học pháp như vậy, được quán thọ rồi, khéo trụ niệm xứ, nơi thọ khổ, thọ lạc không khởi sân, không khởi tham. Vì diệt thọ nên siêng tu ức niệm, ở trong pháp này khuyến hóa người khác cũng hành như vậy.

Quan sát tâm niệm xứ, trụ nơi an lạc như thế nào?

Bồ-tát khởi sự tư duy: “Tâm này điên đảo, vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là vui, pháp vô ngã tưởng là ngã, ở trong bất tịnh tưởng là tịnh, dao động biến chuyển, một niệm không dừng. Vì các phiền não làm căn bản, vì chúng sinh mãi mãi mở cửa nơi ba đường dữ. Vì các khổ não làm nhân duyên đóng cửa đường thiện, phát khởi tham sân si... vì tất cả pháp làm tăng thượng duyên. Trong tất cả pháp, tâm là thượng thủ, nếu biết rõ tâm thì khéo biết được tất cả các pháp. Tâm có khả năng tạo ra tất cả thế gian, các loại sắc tượng. Chỉ có tâm thấy tâm. Chỉ có tâm tạo nghiệp thiện, bất thiện. Chỉ có tâm luân chuyển, không tạm dừng nghỉ giống như vòng lửa. Chỉ có tâm phóng dật, giống như ngựa hoang. Chỉ có tâm có thể thiêu đốt giống như lửa dữ. Chỉ có tâm luôn luôn

sinh khởi giống như các đại.” Quán sát trụ nơi tâm niệm xứ như vậy, liền có khả năng không duyên theo tâm, nhưng lại làm thầy của tâm. Do làm thầy của tâm nên được làm thầy của tất cả pháp. Nếu ai đối với tâm mà được tự tại thì đối với pháp cũng được tự tại.

Bồ-tát quán pháp niệm xứ, trụ nơi an lạc như thế nào?

Đối với các pháp bất thiện như vậy, Đại Bồ-tát biết một cách như thật. Nói bất thiện tức là tham, sân, si và các phiền não... do vô minh sinh. Vì nhân duyên như vậy nên tu pháp môn đối trị. Nếu tâm tham sinh, thì tu quán bất tịnh. Nếu tâm sân sinh thì tu quán từ bi. Nếu tâm si sinh thì tu quán mười hai nhân duyên. Tu hành siêng năng chân chánh khiến trừ diệt tất cả phiền não... lại hay quán sát tất cả pháp thiện. Thấy pháp thiện rồi, ở trong pháp thiện thâm tóm tâm an trụ, ức niệm quán sát thọ trì pháp này. Ở trong pháp này lại đem khuyến hóa, làm cho chúng sinh cũng an trụ trong ấy.

Đối với các cảnh giới, Bồ-tát thâm giữ quán sát, trụ nơi an lạc như thế nào?

Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tốt hoặc xấu, Bồ-tát không sinh tâm tham, sân, ái luyến hay ngăn ngại. Bồ-tát khởi sự tư duy: “Ta nay không nên khởi tâm như vậy: Tất cả các pháp đều chẳng thể nắm giữ, tại sao nay ta lại sinh ái luyến vướng mắc? Đối với pháp này, nếu ái luyến thì ta là kẻ ngu si, là kẻ không thông hiểu, là kẻ điên đảo. Vì sao? Vì như Phật dạy: Do ái luyến nên sinh đấm nhiễm. Do đấm nhiễm nên chấp giữ nơi cảnh giới. Do ngu si nên không thông hiểu pháp thiện và bất thiện. Do nhân duyên ấy nên bị đọa vào các cõi ác.”

Bồ-tát lại nghĩ: “Ta nay không nên sinh tâm như vậy: Đối với pháp nguy hại mà khởi tâm ngăn ngại. Nếu sinh tâm ngăn ngại thì không thể kham nhẫn. Do không nhẫn nại, liền sinh sân hận. Do sinh sân nên bị các Thánh nhân quả trách, các bạn đồng học chê cười, không tán thán.” Bồ-tát quán như vậy rồi nên đối với cảnh trái ý, oán giận, liền khéo tu ức niệm mà trụ nơi an lạc.

Bồ-tát trụ nơi A-lan-nhã như thế nào?

Đại Bồ-tát nghĩ như vậy: “A-lan-nhã là nơi chôn cư trú của Tam-muội Vô tránh. Nơi A-lan-nhã này có nhiều chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... chứng đắc tha tâm trí, chứng biết tâm ta và các pháp nơi tâm. Do vậy, ta nay ở trong rừng này không nên khởi các tư duy bất thiện. Đối với các pháp, nếu không sinh tư duy bất thiện thì quán hành thành đạt, tu nhiều pháp thiện.”

Bồ-tát ở nơi thôn xóm, làng mạc, quốc thành, đô ấp... khởi sự quán sát, trụ nơi an lạc như thế nào?

Đại Bồ-tát sống nơi làng mạc nếu thấy chỗ này không thích nghi với người xuất gia thì phải nên tránh xa. Đó là những chỗ nào? Đó là quán rượu, nhà dâm nữ, nhà quan quyền, vua chúa, nơi vui chơi của các binh lính... cho đến chỗ tụ tập uống rượu, chỗ bạch y tụ tập đàn ca, múa hát. Phàm là người xuất gia, những chỗ không thích nghi đều phải nên tránh xa. Quán sát như vậy mà trụ nơi an lạc.

Đối với những sự lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng... Bồ-tát quán sát trụ nơi an lạc như thế nào?

Về những lợi dưỡng do đàn-việt cúng dường trong sự công đức, Đại Bồ-tát đối với những lợi dưỡng này nên cảnh tỉnh, điều phục tâm mình, chớ để tham đắm, chớ sinh ái lạc, cũng lại không sinh tâm ngã và ngã sở. Nếu được lợi dưỡng thì đem cho tất cả chúng sinh thiếu thốn thọ dụng một cách đồng đều, bình đẳng. Nếu nhờ vậy mà được danh tiếng thì ở trong danh ấy, Bồ-tát không tự cao, không sinh kiêu mạn, cũng không

phóng túng, nên khởi niệm như vậy: “Ta nay được danh tiếng như vậy, thời gian không lâu sẽ tự tiêu tan. Người được danh tiếng cùng với danh đạt được, tất cả đều vô thường. Có người trí nào đối với những cái hư vọng, vô thường, mau chóng, tan hoại, nguy hiểm, không có chỗ an lập mà lại sinh tâm tham đắm, khởi tâm kiêu mạn, khinh chê người khác.” Bồ-tát quán sát như vậy thì trụ nơi an lạc.

Đối với những giới luật Như Lai đã chế, Bồ-tát ước niệm quán sát, trụ nơi an lạc như thế nào?

Đại Bồ-tát nghĩ như vậy: “Ở đời quá khứ, các Đức Như Lai học pháp luật này mới thành Đẳng chánh giác mà nhập Niết-bàn. Ở đời vị lai, các Đức Như Lai học pháp luật này sẽ thành Chánh giác mà nhập Niết-bàn. Ở đời hiện tại, các Đức Như Lai cũng học pháp này, nay thành Chánh giác mà nhập Niết-bàn.” Quán như vậy rồi, đối với các pháp luật, Bồ-tát chí tâm cung kính, siêng năng cầu học pháp ấy, tu hành các thiện được trụ nơi an lạc.

Đối với ba loại phiền não bậc thượng, trung, hạ nơi bì nhục tâm, Bồ-tát ước niệm quán sát, trụ nơi an lạc như thế nào?

Đại Bồ-tát quán sát những phiền não ngoài da và cũng quán sát những phiền não trong tâm. Do quán sát nên biết nhân duyên của nó. Những phiền não này từ duyên gì sinh? Những nhân duyên ấy lại dựa vào đâu sinh? Liền được thấy biết nhân duyên phiền não là từ vô minh. Do vô minh nên tư duy bất thiện. Tư duy bất thiện lại do nhân gì sinh? Do không thông hiểu chánh pháp. Không thông hiểu chánh pháp lại do nhân duyên gì? Do không gần thiện hữu. Đã biết nhân duyên của phiền não như vậy, nguyên do của phiền não, cảnh giới của phiền não thì có khả năng lìa xa mà được trụ nơi an lạc.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp sống bất cứ nơi đâu tâm cũng luôn tịch tĩnh, trụ nơi an lạc.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp mặc y phẩn tảo. Những gì là mười? Đó là:

1. Thọ trì kiên cố.
2. Kham nhẫn khiêm cung.
3. Tâm không mệt mỏi.
4. Tâm không nhiễm ô.
5. Không thấy thô xấu, chỉ thấy công đức.
6. Cũng không tự cao.
7. Không khinh chê người.
8. Đầy đủ giới tịnh.
9. Cảm đến chư Thiên.
10. Loài người cúng dường, cung kính lễ bái.

Bồ-tát thọ trì kiên cố như thế nào?

Thiện nam! Đại Bồ-tát tín căn thành tựu, lòng luôn thanh tịnh, thuận theo pháp Phật Như Lai đã chế, thà mất thân mạng chứ trọn đời chẳng cố phạm.

Đã thọ trì pháp, hành trì kiên cố rồi được tâm khiêm cung. Do tâm khiêm cung nên kiêu mạn không sinh. Không kiêu mạn nên lợm nhựt y hư hoại của thế gian đã bỏ, khác với y thế tục mặc. Nhựt lợm được rồi, giặt nhuộm sửa sang, làm hoại màu sắc củ, kết nạp thành y.

Không sinh phiền não, không chút lao nhọc, tâm không mệt mỏi, cũng không nhiễm ô, thẳng tiến thành tựu, tạo tác công đức. Đối với những y phẩn tảo như vậy, Bồ-

tát không thấy những cái thô xấu như phẩn tảo là loại xấu xí, bẩn thỉu, quá thô tệ, nhiều rận rệp, bức bách thân ta, xuất ra cấu uế. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán sát y phẩn tảo, chỉ thấy công đức.

Y phẩn tảo này tất cả hàng Tiên thánh đã từng thọ trì, hợp với vô dục, thuận với Thánh chủng, được tất cả chư Phật tán thán. Không vì nhân duyên này mà sinh tâm ngã mạn, cũng không tự cao, không khinh chê người. Nếu lìa kiêu mạn thì không khinh chê người khác. Không khinh chê người khác nên giới phẩm đầy đủ.

Giới đầy đủ nên được tất cả hàng Thích, Phạm và các Thiên chúng cúng dường, xưng tán, lễ bái, được tất cả chư Phật hộ niệm, được tất cả Bồ-tát ủng hộ, được hàng Nhân phi nhân... cung kính, được gia tộc quốc vương và các thần dân cúng dường, được tất cả bạn đồng học khuyến tấn.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp mặc y phẩn tảo.

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Tất cả Bồ-tát tâm địa rộng lớn, vì nhân duyên gì mà thích y phẩn tảo thô tệ, thua kém?

Phật bảo:

–Thiện nam! Tất cả Bồ-tát vì muốn hết thấy thế gian thành tựu nguyện lực tự tại, nhưng các Bồ-tát đối với nguyện lực thì chưa được thành tựu. Vì không để các phiền não phát sinh nên Bồ-tát tu tập pháp môn đối trị.

Thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Tâm của Như Lai Thế Tôn rộng lớn chẳng? Ý thô lậu chẳng? Tâm thua kém chẳng?

Bồ-tát đáp:

–Con không thể nói điều này. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì sự ứng hiện và tín giải của chư Phật, Như Lai chẳng phải là cảnh giới của con. Vì sao? Vì chỉ có Đức Thế Tôn là thấy rõ pháp này, chỉ có Tu-già-đà là thấy rõ pháp này. Không có một pháp nào mà chư Phật Như Lai không thấy biết, không thể tin hiểu.

Phật bảo:

–Thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Vì nhân duyên gì mà Như Lai Thế Tôn ở cõi Diêm-phù-đề, với đủ loại căn tánh, đủ loại tín giải của hàng Nhân phi nhân... ở trước chúng sinh, Như Lai hiện hạnh thô lậu? Và ở trước chư Thiên, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... Như Lai tán dương ca tụng công đức Đầu-đà?

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì những chúng sinh ấy cần được hóa độ nên Như Lai hiện việc này. Và vì vô lượng người mới phát tâm hành hạnh Bồ-đề, phiền não chưa đoạn, Như Lai chỉ rõ pháp môn đối trị.

Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Như vậy Bồ-tát đạt được lực thế nguyện chỉ vì giáo hóa các chúng sinh nên mặc y phẩn tảo chứ chẳng phải tâm thấp kém.

Này thiện nam! Vì nhân duyên như vậy nên Đại Bồ-tát mặc y phẩn tảo.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có đủ mười pháp thọ trì ba y. Những gì là mười? Đó là:

1. Tâm thường biết đầy đủ và ít tham muốn.
2. Lìa xa tham cầu.
3. Lìa xa sự lưu trữ.
4. Đã không lưu trữ nên không lo mất.
5. Đã không lo mất nên lìa cái khổ bị mất.

6. Lìa khổ bị mất nên tâm ác không sinh.
7. Tâm ác không sinh nên không sầu não.
8. Không sầu não nên không tìm giữ.
9. Không tìm giữ nên khéo tu hành.
10. Dứt tận các Hữu lưu.

Thiện nam! Do biết đủ nên Đại Bồ-tát tùy nghi ăn mặc, tự cho là đủ.

Do tự biết đủ nên liền được ít ham muốn.

Do ít ham muốn nên lìa xa tham cầu.

Lìa xa tham cầu nên không lưu trữ.

Không lưu trữ nên không buồn bị mất.

Không buồn bị mất nên không sinh khổ não.

Không khổ não nên tâm ác không sinh.

Tâm ác không còn nên không sinh sầu não.

Không sầu não nên không tìm giữ.

Không tìm giữ nên khéo tu hành dứt tận các Hữu lưu.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp thọ trì ba y.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có mười pháp không trụ nơi cao thấp. Những gì là mười? Đó là:

1. Không theo tham dục, không theo sân hận, không theo ngu si. An ổn mà trụ.
Đây gọi là không trụ nơi cao thấp.

2. Không trụ nơi oán hận.
3. Không trụ nơi ganh ghét.
4. Không trụ nơi keo kiệt.
5. Không trụ nơi kiêu mạn.
6. Không nêu bày công đức mình.
7. Không trụ chỗ cầu danh tiếng.
8. Không trụ nơi tham lợi dưỡng.
9. Không trụ nơi khinh chê người.
10. Không trụ nơi tự cao.

Thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp không trụ nơi cao thấp.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp hành khát đoàn thực. Những gì là mười? Đó là:

1. Phát tâm làm lợi ích chúng sinh.
2. Đi xin theo thứ lớp.
3. Không khát ái mong cầu.
4. Đã tự biết đủ.
5. Tánh ưa đem cho.
6. Không tưởng tham lam.
7. Tự biết hạn lượng trong việc khát thực.
8. Hưởng đến trợ đạo.
9. Khéo léo nắm giữ thiện căn.
10. Lìa xa tưởng nắm giữ.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh, cho đến lìa xa tưởng nắm giữ?

Thiện nam! Đại Bồ-tát thấy các chúng sinh bần cùng khổ khổ, công đức mỏng

manh, không trông thiện căn, vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên Bồ-tát đi khát thực.

Khi đi xin, hoặc vào thành ấp, hoặc vào làng xóm... phải khéo thâm tóm niệm, tâm tư duy thiện. Đối với các cảnh giới chớ để tâm giong ruổi, oai nghi rõ nét, các căn không động, thận trọng không phóng dật. Nhìn đất cách bảy thước, cúi đầu mà đi. Đối với các pháp thiện chớ để tâm tán loạn. Dùng pháp như vậy mà đi xin theo thứ lớp. Không đưa tay ra dài, nên ôm bát tại ngực. Nếu vào nhà trưởng giả giàu sang, cũng không cầu nhiều, luôn biết lượng thọ thực, đầy đủ ngày ăn một lần. Chớ hại pháp sự.

Nếu chỗ có nhiều chó dữ, bò dữ, ngựa dữ, voi dữ, các loại cầm thú qua lại xúc nã, hoặc nam hoặc nữ, hoặc nhỏ hoặc lớn... ác khẩu trên chọc, hoặc cùng nhau hủy báng, chê bai, bàn luận phải trái... những chỗ như vậy, Bồ-tát đều nên tránh xa.

Tu pháp đi xin, chớ khao khát tham cầu, chớ cưỡng bức mà cầu. Đối với các đàn- việp, chớ khởi tâm ái luyến, cũng không sân hận. Không mong cầu món ngon, tùy nghi xin được, tự biết đủ ôm bát trở về. Về đến trú xứ, an trí y bát, rửa tay chân. Nếu thấy tượng Phật thì liền cung kính cúng dường, lễ bái, sau đó mới vào chùa. Dem vật khát thực ấy chia làm bốn phần: Một phần cho bạn đồng học, một phần cho người bần cùng, một phần cho súc sinh và một phần mình ăn. Sử dụng thức ăn như vậy, tâm không tham đắm, tâm không mong cầu, tùy nghi uống ăn chỉ để nuôi thân. Chớ ăn quá ít, chớ ăn quá nhiều. Ăn nhiều ít phải trừ lượng biết đủ. Vì sao? Vì nếu ăn quá ít không thể hành đạo, nếu ăn quá nhiều thì thân nặng, mê ngủ, cũng chẳng thể học vấn, tọa thiền.

Xét người cầu đạo phải nên siêng năng chân chánh mà nghĩ rằng: “Bê trễ, biếng nhác làm sao được pháp trợ đạo một cách viên mãn?” Nếu có khả năng tu tập pháp trợ đạo rồi thì không còn chấp ngã. Nếu không chấp ngã thì có khả năng tự cắt thịt mình cho chúng sinh ăn.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp hành khát đoàn thực.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có mười pháp nhất tọa thực. Những gì là mười? Đó là:

1. Bồ-tát ngồi nơi Bồ-đề đạo tràng, tất cả binh ma gây sự khủng bố nhưng vẫn an tọa bất động.
2. Nơi tòa xuất thế, Bồ-tát ngồi bất động.
3. Nơi tuệ xuất thế, Bồ-tát ngồi bất động.
4. Nơi trí xuất thế, Bồ-tát ngồi bất động.
5. Nơi Tam-muội không, Bồ-tát ngồi bất động.
6. Bồ-tát thông suốt các pháp mà ngồi bất động.
7. Nơi tám Chánh đạo, Bồ-tát ngồi bất động.
8. Nơi chân thật tế, Bồ-tát ngồi bất động.
9. Nơi Như như, Bồ-tát ngồi bất động.
10. Nơi Nhất thiết trí, Bồ-tát ngồi bất động. Nói nhất tọa, đó là tọa pháp, cho nên gọi là nhất tọa thực.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp nhất tọa thực.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp thọ trì không ăn lại. Những gì là mười?

Đó là: Sau một bữa ăn, không mong chờ ăn nữa, không tham đắm, mời ăn cũng không ăn, đúng thời hay phi thời cũng không thọ lại. Nếu như vì thân bệnh thì có thể dùng các loại thuốc như bơ, dầu, thạch mật, bạch mật, đường cát, rễ cây, trái cây... giả sử thấy người khác ăn cũng không sinh sân, cũng không tham luyến, cũng không thềm

tiếc. Nếu sau giữa ngày, Bồ-tát không ăn mà bệnh khốn khổ, hoặc do bệnh mà sợ mất mạng, sợ bỏ hành đạo thì dùng tâm không nghi, xét biết thuốc này có khả năng trị bệnh, được phép thọ dụng.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp thọ trì không ăn lại.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp trụ nơi A-lan-nhã. Những gì là mười? Đó là:

1. Tu tập phạm hạnh đã lâu.
2. Thông hiểu Tỳ-ni.
3. Các căn không khuyết.
4. Hiểu biết rộng khắp.
5. Trì nghiệp giới đức.
6. Lìa sự chấp ngã.
7. Thân giữ thân theo oai nghi ví như hươu nai.
8. Tu thân khinh nhàn.
9. Hướng đến tịch tĩnh.
10. Tâm không sâu nảo.

Thiện nam! Bồ-tát từ lâu tu tập phạm hạnh, cho đến tâm không sâu nảo như thế nào?

Thiện nam! Đại Bồ-tát từ khi xuất gia cho đến nay, đối với chánh pháp và luật luôn đầy đủ giới phẩm, ba luận thanh tịnh, thông hiểu pháp tướng, oai nghi gồm đủ, ra vào đúng thời. Các loại đạo pháp thượng, trung, hạ Như Lai đã chỉ dạy, Bồ-tát đều thông đạt, không cầu nơi người khác, chẳng dời đổi lay động, chẳng chấp vào các pháp của tà luận, biết đủ tất cả, lìa xa những người sai phạm, cung kính chánh pháp, thường luôn sám hối, phát lồ sửa bỏ tất cả pháp ác. Thông đạt và lìa xa tất cả nguyên nhân gây ra tội này. Cũng biết rõ nghiệp thượng, trung, hạ và quả báo thượng, trung, hạ. Nhờ tin hiểu nên dốc sức giữ gìn chánh pháp. Mắt, tai,... các căn đầy đủ, toàn thân không khiếm khuyết.

Trụ nơi A-lan-nhã, A nghĩa là không, Lan-nhã nghĩa là tranh. Ở trong chốn núi rừng không tranh với thế gian.

Ở trong chốn núi rừng ấy không xúc nảo thế gian, không gần không xa thế gian, thuận tiện nơi khát thực. Trong núi rừng này có nước thanh tịnh, không có các nạn, dễ dàng tắm rửa, cây cối rợp mát, hoa quả tốt tươi, không có cầm thú dữ, tịnh thất bằng đá tự nhiên, không quá cao hiểm trở, bước lên không khó. Ở chốn thanh vắng tịch tĩnh, một mình không bạn; đọc tụng, tu tập những pháp đã từng nghe. Ngày đêm sáu thời nhớ nghĩ không quên, âm thanh đọc tụng không cao, không thấp, chớ phế bỏ. Điều phục các căn, chớ để duyên dựa giống ruồi. Nhiếp tâm tư duy, chớ sinh tán loạn, điềm nhiên tự vui, thọ trì kinh điển. Chú tâm một trong ba tướng tức là ngưng phát xả (tán loạn) chớ rơi vào trạng thái mê ngủ.

Hoặc giả có quốc vương, đại thần, trưởng giả và dân chúng cố đến tìm Bồ-tát, Bồ-tát nên nói: “Lành thay! Lành thay! Nếu đại vương... đến trú xứ thì mời đại vương ngồi chỗ ngồi thích hợp.” Nếu vua ngồi thì hai người cùng ngồi. Nếu vua không ngồi, mình chớ tự ngồi. Nếu vua xao động, nóng nảy, không ngồi chỗ thô xấu, Bồ-tát nên nói lời ái ngữ: “Thưa đại vương! Nơi núi rừng này rất có lợi ích. Các Sa-môn đa văn, đạo đức, trì giới an trụ trong này, không lo không sợ, không có giặc cướp, trộm cắp.” Nếu quốc vương này an ổn, tịch tĩnh có thể nghe pháp thì Bồ-tát nên nói pháp. Nếu vua không ưa

nói rộng, phân biệt thì nên nói tóm lược tùy thuận xuất ly. Nếu vua không ưa nghe pháp xuất ly thì nên tán thán công đức vô thượng của Đức Phật. Nếu các trưởng giả và dân chúng đến, Bồ-tát nên tùy theo căn cơ mỗi người mà nói pháp yếu, làm cho tất cả đều được sinh tâm tin pháp; cũng khiến cho họ thọ trì tam quy, giới...khiến họ sinh tâm hoan hỷ, lợi tha.

Bồ-tát diệt trừ các ác và các phiền não phát sinh, tu tập đa văn, không chấp vào ngã. Do không chấp ngã nên trụ nơi núi rừng mà không buồn, không sợ, không khiếm nhược, không sinh lo lắng, hướng đến tịch tĩnh, lìa xa ồn ào, độc cư như nai, ít muốn, biết đủ.

Thiện nam! Bồ-tát ở núi không giống như nai sợ hãi chạy trốn, không giữ cái có thể mất. Nói như nai nghĩa là lìa xa thành phố, làng xóm, nhà cửa. Bồ-tát nên nghĩ: “Gần người ác thì có thể mất mạng.” Do vậy Bồ-tát nên lìa xa những tạp loạn, hoặc nam nữ, hoặc nhỏ, hoặc lớn và nghĩ: “Gần gũi những người này ta sẽ mất đi những thiện căn đã tu tập từ lâu.” Chớ sinh tán loạn, thường sinh tâm lo sợ như vậy, nên hướng đến nơi tịch tĩnh mà trụ.

Ở trong thế gian, Bồ-tát sinh tâm nhàm chán, trụ trong núi rừng chỉ thấy công đức, chỉ thấy tịch tĩnh, chỉ thấy cứu cánh, chỉ thấy an lạc, tâm không ưu sầu, tâm không mê buồn, không gần bạn ác. Ở trong núi không chướng ngại, công đức tịch tĩnh, thọ trì tu hành tất cả pháp thiện. Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp trụ nơi A-lan-nhã.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cử đủ mười pháp sống nơi gốc cây. Những gì là mười? Đó là:

1. Nương ở dưới cây.
2. Cách làng xóm không gần không xa.
3. Chỗ không ứ tạp.
4. Không có gai góc, cỏ cây độc.
5. Cây không trụi lá.
6. Chẳng phải chỗ của khỉ, vượn, chỗ có tổ chim.
7. Chẳng phải cây có cạm thú ác ở.
8. Chỗ không có người ác, nguy hiểm.
9. Nương ở nơi cây, thân an lạc.
10. Tâm không buồn, an tâm mà sống.

Thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp sống nơi gốc cây.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đầy đủ mười pháp ngồi nơi chỗ đất trống. Những gì là mười? Đó là:

1. Trong ba mùa: Đông, Hạ, Xuân, Bồ-tát không được ở gần sân phơi giã gạo.
2. Không ở gần cây lớn.
3. Chẳng gần lùm cây.
4. Không ở nơi mé núi nguy hiểm.
5. Không sống gần sông, hồ.
6. Không ngăn lạnh, không ngăn gió, cũng không che mưa, cũng không che nắng, cũng không che sương, chỉ trừ bệnh tật.

7. Đại Bồ-tát nếu ngồi nơi đất trống, thân có bệnh tật, không thể hành pháp thì nên ở trong chùa mà nghĩ: “Chư Phật Như Lai chế pháp Đâu-đà chỉ vì đoạn trừ tất cả phiền não. Như pháp Phật dạy, ta nên phụng hành.”

8. Ta tuy ở chùa, phải tu học siêng năng chân chánh vì đoạn trừ phiền não, không

được bê trễ, không tán loạn.

9. Tuy ở trong chùa nhưng không sinh tham đắm và lại nghĩ: “Nhà chùa như vậy là do đàn-việt tạo dựng, làm lợi ích cho tất cả người tu đạo. Do vậy, nay ta không nên ở chùa mà sinh tâm ngã sở.”

10. Tuy ở trong chùa nhưng thường không lia tưởng nơi đất trống.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp ngồi nơi đất trống.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp ở rừng cây chết. Những gì là mười? Đó là:

1. Như ở trong đây, luôn sinh nhàm chán, xa lìa, thường tác tưởng chết.
2. Tác tưởng đây là ổ của tám vạn con trùng đang đục khoét.
3. Tác tưởng máu đỏ.
4. Tác tưởng bầm tím.
5. Tác tưởng hôi thối.
6. Tác tưởng sinh trưởng.
7. Tác tưởng máu chảy.
8. Tác tưởng mũ hôi.
9. Tác tưởng tan rã.
10. Tác tưởng hài cốt.

Thiện nam! Đại Bồ-tát ở rừng cây chết phải thường khởi tâm Từ bi thương xót chúng sinh, trì giới thanh tịnh, đầy đủ oai nghi, thường tập ăn chay để nuôi dưỡng thân mạng. Vì sao? Thiện nam! Vì rừng cây chết này có các phi nhân nương sống ở đây, ăn máu thịt người. Nếu thấy Bồ-tát ăn thịt, cá, họ sẽ khởi tâm ác đến não hại.

Thiện nam! Ở rừng cây chết, Bồ-tát nếu đi vào chùa, trước phải lễ tháp Phật, thứ đến lễ bậc Đại đức, thăm hỏi Thượng tọa. Cung kính thăm hỏi xong, Bồ-tát đứng qua một bên, không được ngồi chỗ của chúng Tăng. Vì sao? Vì pháp của Bồ-tát là bảo hộ ý của những người ở thế gian.

Bồ-tát ở nơi rừng cây chết này, xét chúng sinh phàm ngu nơi thế gian không trái Thánh chúng. Nếu nơi tòa riêng thỉnh Bồ-tát ngồi, Bồ-tát xét tăng như vậy, tâm không biến đổi thì nên ngồi, chớ để trước mọi người mà sinh tâm hối tiếc. Bồ-tát dùng tâm khiêm tốn, tác tưởng mình như Chiên-đà-la.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp ở rừng cây chết.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp an tọa không nằm. Những gì là mười? Đó là:

1. Không vì hành thân khổ mà ngồi, không ngủ.
2. Không vì tâm ưu não mà ngồi, không ngủ.
3. Không vì bị lôi kéo nên thân ngồi, không nằm.
4. Đại Bồ-tát ngồi mãi không ngủ.
5. Chỉ vì nhằm làm viên mãn các hạnh Bồ-đề.
6. Vì nhất tâm.
7. Vì hướng đến chánh đạo.
8. Vì ngồi nơi đạo tràng.
9. Vì tạo lợi ích cho chúng sinh.
10. Vì diệt tất cả phiền não... nên ngồi mà không nằm.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp thường ngồi, không nằm.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp tùy nghi trải tòa ngồi, nằm. Những

gì là mười? Đó là:

1. Chỗ ngồi không quá cao, sang trọng.
2. Cũng không mong cầu người khác trả tòa cho mình.
3. Cũng không giả trang thiền tướng để người trả tòa.
4. Chỗ ngồi hoặc bằng lá, hoặc bằng cỏ, tùy theo đó mà ngồi.
5. Nếu chỗ ngồi có quá nhiều trùng, kiến, muỗi, ruồi, nhặng, rệp... làm hang ổ và chỗ thiêu thây chết, Bồ-tát đều nên tránh xa.
6. Nếu khi an nghỉ, Bồ-tát nằm nghiêng hông phải, hai chân chồng lên nhau, ca-sa phủ thân, chánh niệm nhiếp tâm, tác tướng ánh sáng, luôn tác tướng thức mà tạm ngủ.
7. Không đắm say ngủ.
8. Không ưa nằm mãi một bên.
9. Vì điều hòa thân, giữ cho bốn đại không quá mệt nhọc.
10. Ngày đêm dụng tâm vào pháp trợ đạo.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp tùy nghi trải tòa ngồi, nằm.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp nhiếp tâm cùng lý tương ứng.

Những gì là mười? Đó là:

1. Tu nhiều quán bất tịnh.
2. Tu nhiều quán từ bi.
3. Tu nhiều quán mười hai nhân duyên.
4. Khéo biết pháp nhiếp tâm.
5. Tu nhiều tướng không.
6. Tu nhiều vô tướng.
7. Tu nhiều nhiếp tâm.
8. Không có chỗ mong cầu.
9. Thường tu không nghỉ, không để hối hận.
10. Đầy đủ giới phẩm.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu nhiều quán bất tịnh?

Thiện nam! Đại Bồ-tát một mình ở chỗ thanh vắng, ẩn trong rừng núi, không ra nhân gian. Ngồi kiết già khiến thân điều hòa, ngay thẳng; tâm cũng điều hòa chân chánh, chuyên nhất mặc niệm. Thấy chi tiết của thân; co, duỗi, cúi, ngược sinh tâm chán bỏ. Nên quán ba mươi sáu vật trong thân, niệm niệm theo thứ lớp, chớ quán lơ là. Quán như vậy cho đến quán các loại ẩm thực mỹ vị tịnh khiết của chúng sinh hoặc tốt, hoặc xấu, đưa vào trong bụng, liền thành bất tịnh; tiếp xúc với lửa bên trong liền thành khí uế, hôi thối, trái nghịch lỗ mũi, tất cả thế gian chẳng ai chịu nổi. Thân như vậy mà tất cả hàng phàm phu chúng sinh luyến đắm, Bồ-tát nên khéo dùng trí tuệ nương nơi Thánh giáo quán sát nó một cách như thật. Do vậy, nay ta không nên ái luyến thân hôi thối này. Nhờ nhân duyên ấy nên nhàm chán, xa lìa nó. Đó là Bồ-tát tu nhiều quán bất tịnh.

Thế nào là Bồ-tát tu nhiều quán từ bi?

Đại Bồ-tát một mình ở nơi thanh vắng, nói đủ như trước, y theo thứ lớp như trước mà suy nghĩ: “Những chúng sinh này có nhiều sân hận, oán thù, phần hận, tạo các nghiệp ác, kết tạo oan gia, vô cơ trách mắng chửi. Nếu ở quá khứ, hiện tại, vị lại, tất cả sân hận đã diệt tận rốt ráo thì ta mới được ngồi nơi Bồ-đề đạo tràng.” Bồ-tát tư duy quán rất sâu xa như vậy nên khởi tâm Từ bi chân thật, chẳng nói suông.

Bồ-tát tu nhiều quán mười hai nhân duyên như thế nào?

Nếu khi tham dục sinh, hoặc sân hận sinh, hoặc ngu si sinh, Đại Bồ-tát nên tư duy:

“Tham, sân, si này mượn nhân duyên sinh, mà nhân duyên ấy lại mượn nhân duyên khác sinh... Các pháp này đều do nhân duyên khác sinh, không có tự tánh, đều là hư vọng do nhân duyên sinh mà tự tạo cho mình cái ung nhọt.”

Bồ-tát khéo biết pháp nhiệm tâm như thế nào?

Đại Bồ-tát quán pháp nhiệm này, hoặc ở tâm mình, hoặc ở tâm người khác, chẳng thể lường xét. Vì diệt những pháp nhân duyên ấy nên Bồ-tát quán sát chúng.

Pháp nhiệm ấy là gì?

Đó là không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới luật, không kính bạn đồng học, không kính già trẻ... Đây gọi là pháp nhiệm ô nơi tâm.

Chỉ trọng thân mình, khinh chê người khác, buông lung tán loạn theo các cảnh giới, chối bỏ Niết-bàn, chấp chặt ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, chấp trước không kiến, chấp trước đoạn kiến, chấp thường, vô thường.

Oán ghét người thiện, thân cận phạm ngu, xa người trí giới, gần đám phá giới, phục dịch bạn ác, xa trí thức thiện, hủy báng kinh điển sâu xa của chư Phật.

Đối với pháp thâm diệu sinh tưởng lo sợ, bê trễ, biếng nhác.

Ở trong thân mình, sinh tưởng thấp kém, không có oai đức, lời nói lẫn lộn, sinh nghi phi xứ. Chỗ đáng nghi thì không nghi, chỗ không nên nghi thì lại nghi.

Bị các chương, kết sử trói buộc.

Huyễn hoặc người đời, chia rẽ, dua nịnh, mê ngủ, mờ mịt, chỉ tham lợi dưỡng, mong cầu danh tiếng, dựa vào dòng họ, luyến ái quyến thuộc, mê nhiễm tà kiến, cậy nhờ đất nước, luyến mộ đám đông, học tập chú thuật Lộ-già-da-đà, chuộng văn chương thế tục, xả ly chánh pháp, bỏ sự hành đạo.

Đối với pháp bất thiện thì nhanh nhẹn, chuyên cần gây dựng; đối với nghiệp công đức thì không siêng năng tạo lập. Oán ghét, chê bai người xuất gia. Chỉ ưa ca vịnh, khen ngợi nữ sắc, diệu ngọt với các thiếu niên hoặc nam hoặc nữ.

Chẳng thích tịch tĩnh, ở nơi A-lan-nhã buồn rầu không vui.

Đối với pháp thiện, bất thiện chẳng biết dò xét, lường tính.

Những nơi đáng tôn trọng thì không đến thăm hỏi, gần gũi cúng dường. Đọc tụng kinh điển thì chẳng biết thời. Ở chỗ hành xử chẳng tránh sự cơ hiểm. Đối với các điều khinh trọng của giới luật đều chẳng thọ trì. Đối với các pháp ác thì chẳng kính sợ.

Các căn ám độn, ngu si, tăm tối. Tâm luôn vọng động, thích thú với nghiệp ác. Một mình tự buông thả, chẳng kiên sợ gì, giữ lấy pháp chống trái, ưu lự sâu não. Chấp theo hình tướng, bình phẩm, so lường sắc đẹp, sắc xấu.

Không tu từ bi nơi cảnh sân hận. Không khởi lòng thương cảm những người khổn khó. Thấy khổ bệnh tật không sinh chán bỏ. Thấy chết không sợ. Ở trong nhà lửa không muốn thoát ra. Thân chỉ lo việc kinh doanh, chẳng hộ trì giới luật. Trong đời quá khứ đã làm việc gì? Đời hiện tại đang làm việc gì? Nơi đời vị lai sẽ làm việc gì? Những cảnh giới như vậy đều không tư duy.

Nơi chẳng thể nghĩ bàn cho là có thể nghĩ bàn. Nơi chẳng thể lường xét cho là có hạn lượng. Cái chẳng thể cầu lại siêng năng tìm cầu. Chỗ chẳng thanh tịnh tưởng là thanh tịnh. Nơi chẳng xuất ly tưởng là xuất ly. Nơi chẳng phải chánh đạo tưởng là chánh đạo. Ở chỗ chưa đắc mà nói đã đắc.

Ta nay đa sự, chưa được tu thiện. Ta là phạm phu, nào có thể tu hành các pháp Thánh đạo, đấm luyến việc đời, tìm cầu từng bữa ăn, tránh bỏ công đức, thiện căn ít mỏng, chẳng tán thán pháp đại, tiểu thừa. Giả sử thấy người ưa tin chánh pháp của Phật

thì hủy báng họ.

Thích sự tranh chấp ưa tướng phải trái. Ác khẩu, thô bạo, tự đại, cao ngạo, hung dữ, mắng chửi, nhiễu loạn, xâm phạm người khác. Nói lời vô nghĩa. Thích bàn luận hơn người. Điều chẳng thể nói, lại ham giảng nói. Ưa hý luận, đam mê chơi bời.

Những việc như vậy gọi là pháp nhiễm ô, hay làm nhiễm ô tâm, nên khéo biết rõ.

Vì diệt trừ tất cả sự hý luận nên thường tu pháp “không” mà nhập thiền định.

Do điều phục tâm ấy, tu “không” như vậy, nên đối với cảnh giới này, tâm theo nơi đó bị nhiễm. Nên tìm chỗ này, cầu đạt thể tánh ấy liền thấy là không sở hữu.

Do không sở hữu nên thông đạt “không.” Điều nên quán sát cảnh của đối tượng được duyên và tâm của chủ thể duyên.

Quán sát vậy rồi, hai pháp tâm cảnh đều thấy là không sở hữu mà thông đạt “không.”

Do thông đạt “không” nên tu vô tướng, thâm giữ tâm ấy, nhập vào thiền định. Tất cả tướng mạo hiển hiện tướng tự. Khéo quán sát nó liền thấy phi tướng.

Đã rõ phi tướng, chẳng thủ đắc nơi thân, tức là không có chân tướng.

Được vô tướng rồi thì không còn chấp vào thân mình.

Chẳng chấp trước vào thân nên chẳng được tất cả các cảnh tướng bên ngoài.

Đối trước các ngoại cảnh, tâm chẳng dời đổi, chẳng tác phân biệt. Tâm đã bất động nơi tướng bên ngoài và bên trong.

Vì diệt trừ chấp tướng nơi vô tướng nên tu quán hành, không sinh vui buồn. Tuy được định này nhưng tập khí còn nhiều. Vì diệt tập khí nên thường tu định ấy, tâm tâm tương tục không để dứt đoạn, giống như vòng lửa. Trụ ở trong Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na.

Tỳ-bà-xá-na nghĩa là pháp quán như thật.

Xa-ma-tha nghĩa là nhất tâm tịch mặc.

Được định tâm rồi, sau chẳng còn hối.

Do chẳng còn hối nên sinh tâm hoan hỷ.

Do đâu hoan hỷ? Do giới thanh tịnh.

Tất cả Bồ-tát đầy đủ giới phẩm, nhiếp tâm thanh tịnh, cùng lý tương ứng. Vì sao? Vì giới thanh tịnh nên thâm tóm, tâm được thành tựu, cho nên gọi là cùng lý tương ứng.

Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ mười pháp thâm tóm tâm cùng lý tương ứng.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp thọ trì kinh điển. Những gì là mười? Đó là:

1. Vì hộ trì chánh pháp nên đến nghe pháp, không vì tiền tài.
2. Vì hộ trì chánh pháp nên chuyên cần nghe chánh pháp, không vì lợi dưỡng.
3. Vì không để chủng tánh của Tam bảo đoạn tuyệt nên chuyên cầu đa văn, không vì lợi dưỡng của thế gian.
4. Vì muốn làm lợi ích cho người học Đại thừa nên tu tập đa văn, không vì sự tán thán.
5. Vì các chúng sinh không ai cứu hộ, vì nhân duyên là đem lại lợi ích nên tu tập đa văn.
6. Vì chúng sinh bị ba khổ bức bách mà tạo sự an lạc nên tu tập đa văn.
7. Vì các chúng sinh không có tuệ căn, làm cho họ được tuệ căn nên tu tập đa văn.
8. Vì người Tiểu thừa mà nói pháp Thanh văn nên tu tập đa văn. Vì người Đại thừa mà nói đạo Bồ-tát nên tu tập đa văn.

9. Vì tự chứng đắc trí tuệ Vô thượng nên tu tập đa văn.

10. Vì không cầu thừa thấp nên tu tập đa văn.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp thọ trì kinh điển.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đủ mười pháp thọ trì Tỳ-ni. Những gì là mười? Đó là: Biết rõ Tỳ-ni cùng với thể của luật tông. Tỳ-ni sâu xa, Tỳ-ni vi tế, phạm cùng không phạm. Tánh tội, chế tội, Ba-la-đề-mộc-xoa. Cội nguồn của việc tu học. Tỳ-ni của Thanh văn, Tỳ-ni của Bồ-tát, Bồ-tát thấy đều biết rõ.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp thọ trì Tỳ-ni.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đủ mười pháp oai nghi, hành xử tề chỉnh trọn vẹn. Những gì là mười? Đó là:

1. Đã từng học pháp Thanh văn.

2. Đã từng tu học pháp Duyên giác.

3. Đã từng tu học pháp Bồ-tát.

4. Học như vậy rồi nên oai nghi đầy đủ.

5. Phàm là Sa-môn, những chỗ trống không nên đến đều phải lìa xa.

6. Vì nhân duyên ấy nên không đến những nơi phi xứ, không đi phi thời, không đến quốc độ phi pháp.

7. Tu hạnh Sa-môn nên đến chỗ cần đến.

8. Không mất oai nghi.

9. Chớ để Sa-môn, Bà-la-môn chê cười.

10. Xét oai nghi ấy cùng lý tương ứng. Lại giáo hóa người khác khiến trụ nơi pháp ấy, khiến người hành pháp đủ các oai nghi tinh tế, nội tâm tương ứng không có hư dối.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp oai nghi hành xử tề chỉnh trọn vẹn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp tâm không xan tham, cũng không ganh ghét. Những gì là mười? Đó là: Tự hay tuệ thí. Lại khuyên người khác hành bố thí. Tán thán sự bố thí. Thấy người bố thí liền khởi tâm tùy hỷ. Tán thán, khích lệ, làm cho người bố thí hoan hỷ. Không nên khởi niệm: “Chỉ thí cho ta, chẳng thí người khác. Chỉ để mình ta đầy đủ, chẳng để người khác được đầy đủ.” Phải nên nghĩ rằng: “Làm cho các chúng sinh được an lạc, đầy đủ các loại tiền tài; hoặc ở thế gian, hoặc xuất thế gian đều đầy đủ an lạc. Ta nay vì những chúng sinh này mà tạo lợi ích, an lạc, tu các khổ hạnh. Do vậy, nay ở bên chúng sinh, ta không nên khởi các tâm xan tham, ganh ghét.”

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp không có tâm xan tham, ganh ghét.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đủ mười pháp hành tâm bình đẳng đối với các chúng sinh. Những gì là mười? Đó là:

Hành nghiệp bình đẳng đối với các chúng sinh.

Tâm không sân hận đối với các chúng sinh.

Vì lợi ích bình đẳng đối với các chúng sinh mà hành bố thí, thọ trì giới cấm, tu nhẫn nhục, tinh tấn dũng mãnh, khéo nghĩ thiền định, tu trí Bát-nhã.

Không nương theo nhị biên mà tu theo tâm ấy.

Duyên các chúng sinh khởi tâm bình đẳng.

Tự mình thoát được các khổ thiêu đốt trong nhà lửa sinh tử, lại hay cứu người khác cũng được thoát khỏi.

Dùng tâm bình đẳng, không sinh tưởng ngăn cách đây kia, không có thương ghét.

Thiện nam! Ví như nhà trưởng giả kia rất giàu sang, chỉ có sáu đứa con. Ông luôn

yêu mến thương tưởng chúng một cách bình đẳng. Những đứa con này còn nhỏ dại, khờ khạo, đối với sự việc thì chẳng rõ, chỉ biết bò, trườn, vui chơi. Một hôm, nhà trưởng giả này bị cháy, ngọn lửa hừng hực cháy mạnh, những đứa nhỏ này mỗi đứa một nơi.

Thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Khi ấy trưởng giả có nghĩ thiên vị rằng: “Ta cứu đứa này trước, sau đó mới cứu đứa khác” không?

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chương Ngại thưa:

–Không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì trưởng giả này đối với những đứa con của mình, ông đều cứu giúp bình đẳng, không có tâm thiên vị. Tùy theo đứa nào gần ông thì được cứu ra trước.

Phật bảo:

–Thiện nam! Tất cả loại chúng sinh như vậy đều là con nhỏ của Bồ-tát, chưa rõ khổ vui, không hiểu biết nhà lửa sinh tử, trụ ở các nơi trong sáu đường. Tùy theo chúng sinh nào có căn lành thành thực, Đại Bồ-tát liền cứu thoát ra trước, đem đặt nơi pháp thanh tịnh ngoài thế giới sinh tử.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp hành tâm bình đẳng đối với các chúng sinh.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đủ mười pháp ân cần cung kính cúng dường chư Phật. Những gì là mười? Đó là:

1. Cúng dường pháp là cúng dường Phật.
2. Không đem tài vật cúng dường Như Lai.
3. Vì làm an lạc, lợi ích chúng sinh.
4. Vì muốn thấu nhận tất cả chúng sinh.
5. Vì muốn thành tựu thiện căn cho chúng sinh, nên không bỏ giới cấm thanh tịnh đã thọ.
6. Không bỏ tất cả hạnh nghiệp của Bồ-tát.
7. Như pháp đã nói, thân khéo hành trì.
8. Tu hành như vậy, tâm không mệt mỏi.
9. Không bỏ tâm vô thượng Bồ-đề.
10. Cung kính cúng dường chư Phật như vậy, không dùng của cải, vật báu.

Nếu hay tu hành chánh pháp của chư Phật tức là cúng dường Phật. Vì sao? Vì cúng dường pháp tức là cúng dường hết thảy Như Lai. Pháp này phát sinh lợi ích cho muôn loài, khiến thoát khỏi thế gian. Nếu trái bỏ hạnh nghiệp của Bồ-tát tức là thân khẩu trái nhau. Nếu đã thệ nguyện mà không được viên mãn thì tâm mệt mỏi, liền bỏ Bồ-đề, chẳng có khả năng làm lợi ích cho chúng sinh. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề chỉ vì lợi ích cho chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì cũng không có Bồ-tát chứng đạt ngôi vị Chánh giác.

Thiện nam! Nên quán như vậy, pháp tức là Phật. Tất cả chư Phật lấy pháp làm thân.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp ân cần cung kính cúng dường chư Phật.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có đủ mười pháp đoạn trừ kiêu mạn. Những gì là mười? Đó là:

1. Nhờ bỏ nhà xuất gia, cần khổ cầu đạo, không còn quan hệ với tất cả quyến thuộc, bạn bè thân hữu, chẳng khác nào người chết nên không kiêu mạn.
2. Nhờ cải đổi hình tướng, mặc y hoại sắc, ngày nay ta đã có sở cầu riêng nên

không kiêu mạn.

3. Nhờ cạo tóc, mang bát khất thực nhà nhà để nuôi sống thân này nên không kiêu mạn.

4. Nhờ khất thực, sinh tâm khiêm cung như Chiên-đà-la nên không kiêu mạn.

5. Nay thân mạng ta nhờ người nuôi sống, thọ thực người khác cho, giống như chó đói bị người khinh chê nên không kiêu mạn.

6. Ta phải thừa kế, tôn trọng phước điền nên không kiêu mạn.

7. Nay các bậc đồng học thấy ta sinh tâm hoan hỷ, nên không kiêu mạn.

8. Vì giữ các oai nghi tinh tường, tề chỉnh nên không kiêu mạn.

9. Vì pháp chưa đắc, ta sẽ chứng đắc nên không sinh kiêu mạn.

10. Đối với tánh tặc ác trong các chúng sinh, vì tu nhiều nhẫn nhục nên không sinh kiêu mạn.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp đoạn trừ kiêu mạn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đủ mười pháp tâm thường thanh tịnh. Những gì là mười? Đó là:

1. Đã hành trì phước nghiệp thiện căn quá khứ.

2. Túc nhân đầy đủ, chánh kiến đầy đủ.

3. Không chấp trước theo tà luận, không thể dời đổi, không thờ thầy khác.

4. Trong giữ thanh tịnh, không có quanh co.

5. Ý không cao ngạo, cũng không huyển hoặc. Tâm tính ngay thẳng, đủ các trí tuệ.

6. Các căn sáng suốt, nhạy bén, lìa các sự ngăn che.

7. Tâm hành tinh khiết, thân cận bạn lành, xa tri thức ác.

8. Bẽ gãy kiêu mạn, siêng cầu đạo lý vi diệu.

9. Trong khi nghe pháp, không tán tâm, thất niệm.

10. Biết rõ tất cả công đức chư Phật.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát đầy đủ mười pháp tâm thường thanh tịnh.

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chư Vương Ngại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Công đức chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đối với pháp như vậy, làm sao con được nghe, hiểu rõ?

Phật bảo:

–Thiện nam! Ông khéo lắng nghe. Ta nay vì ông mà nói về ít phần công đức của Như Lai.

Bồ-tát thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Con muốn được nghe.

Phật nói:

–Thiện nam! Như Lai luôn đầy đủ viên mãn tâm đại Từ, bình đẳng đối với các chúng sinh. Như từ bi bình đẳng đối với một người, đối với tất cả chúng sinh khắp pháp giới, tâm ấy cũng vậy. Như cõi hư không hiện bày khắp trong tất cả cảnh giới của chúng sinh, từ bi của Như Lai khắp mọi nơi chốn, vô lượng, vô biên cũng lại như vậy, khác với Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

Thiện nam! Chư Phật Như Lai giảng nói pháp vô tận, trong vô lượng kiếp chẳng thể tận cùng. Ta vì vô lượng chúng sinh mà nói pháp đủ loại danh tự, đủ loại nghĩa lý, bằng một loại âm trong cùng một lúc đối với vô lượng các loài. Tùy theo âm thanh của mỗi loài mà được hiểu, không có hạn lượng, không có tận cùng.

Thiện nam! Chư Phật Như Lai luôn có hỏi đáp đầy đủ. Giả sử có tất cả đủ loại

chúng sinh đem các loại câu hỏi, hỏi Như Lai, tùy theo các loại âm, các loại danh tự mỗi loài, chỉ trong một sát-na, một niệm, một thời, Như Lai giải đáp thông suốt, không có chướng ngại.

Thiện nam! Cảnh giới thiên định của chư Phật không có chướng ngại. Thiện nam! Giả sử có tất cả các loại chúng sinh đều ở quả vị Thập địa, trong một thời, một niệm, cùng lúc nhập vào trăm ngàn vạn ức thiên định Tam-muội; vô lượng các loại Tam-muội ấy đều chẳng thể bằng vô biên cảnh giới Tam-muội của Như Lai.

Thiện nam! Như Lai có đầy đủ vô lượng sắc thân. Thiện nam! Giả sử có chúng sinh cần nhận sự giáo hóa từ thân Như Lai, chỉ trong một niệm Như Lai hiện bày khắp trong chúng sinh, đối trước mặt người ấy mà hiện thân Phật, tùy theo sở nguyện của họ, chỉ trong một niệm hiện đủ loại thân.

Thiện nam! Như Lai đầy đủ vô lượng cảnh giới Thiên nhân. Thiện nam! Có các chúng sinh được Thiên nhân, thấy các sắc tướng vô lượng, vô biên trong các cảnh giới, Như Lai đều thấy việc ấy trọn vẹn như xem quả A-ma-lặc trong bàn tay.

Thiện nam! Như Lai có vô lượng cảnh giới Thiên nhĩ. Thiện nam! Giả sử có các chúng sinh được Thiên nhĩ đầy khắp trong vô lượng, vô biên thế giới, tùy theo chỗ nghe của mình mà nghe được các loại âm thanh. Chỉ trong một niệm, Như Lai có khả năng nghe được tất cả các âm thanh ấy.

Thiện nam! Như Lai đầy đủ trí nhận biết tâm kẻ khác, vô biên, vô tận, đồng với hư không. Thiện nam! Giả sử có các loại giác quán, các loại tư duy, đủ loại hạnh nghiệp của tất cả các cõi chúng sinh; chỉ trong một niệm, Như Lai đều biết rõ vô lượng, vô biên hết thấy các tâm, chỗ tạo nghiệp cùng quả báo của nghiệp. Như Lai dùng trí vô ngại biết rõ tất cả trong ba đời.

Thiện nam! Như Lai hằng trụ thiên định chưa từng xao lãng. Vì sao? Vì Phật không thất niệm, các căn bất động, nội tâm không loạn. Do tất cả phiền não cùng tập khí phiền não đã được chết sạch, rốt ráo, nên luôn ở trong tịch tĩnh.

Thiện nam! Có người phiền não, nội tâm mê loạn, chẳng đắc thiên định, Như Lai thì không như vậy. Như Lai nghĩa là không còn phiền não, không còn lụy trần, vô lậu, vô vi, đắc tất cả pháp, tự tại hiện bày diệu dụng ở tất cả cảnh giới Tam-muội sâu xa.

Thiện nam! Giả sử Như Lai tùy nghi trụ trong một oai nghi, trong một Tam-muội cho đến Niết-bàn, thường trụ trong ấy không có dao động nên luôn hành trì Tam-muội.

Thiện nam! Trong vô lượng kiếp, chư Phật Như Lai tu đủ các hạnh, đắc thành Chánh giác, chẳng thể nghĩ lường, chẳng thể nghĩ bàn, không có biên vực giới hạn.

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Trong vô lượng kiếp Như Lai không có công đức chẳng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Chớ nói như vậy. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng nên nghĩ lường về cảnh giới của Như Lai. Cảnh giới của Như Lai là chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ vì các chúng sinh nơi tu học nên ta nói ba tăng-kỳ tu tập chứng đắc. Nhưng thật ra Bồ-tát từ lúc phát tâm cho đến nay, thời gian ấy chẳng thể tính đếm.

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại thưa:

–Thật may mắn! Thưa Đức Thế Tôn! Những chúng sinh này tu các thiện căn, đã diệt nghiệp chướng, sinh nhiều tín giải, gần nơi Bồ-đề, nghe công đức của Phật tâm sinh hoan hỷ, hưởng nữa là nghe rồi lại hết lòng thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép, cúng dường. Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh này không lâu sẽ đạt được công đức như Đức

Thế Tôn ngày nay không khác.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như Lai thân nhận những chúng sinh này, ở chỗ chư Phật đã trồng thiện căn, cung kính phụng sự vô lượng Đức Phật. Những chúng sinh ấy nghe công đức của Phật không sinh nghi hoặc.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào trong bảy ngày bảy đêm không nghĩ tưởng khác, nội tâm không loạn, niệm niệm tương tục, luôn nhớ tới công đức sâu xa vi diệu của Như Lai như vậy; mặc áo sạch sẽ, thiết lễ cúng dường, tâm tâm thành kính thì trong bảy ngày liền thấy sắc thân Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng. Nếu có loạn tâm, việc ấy không thành; nhưng luôn nhất tâm thì khi lâm chung, Như Lai hiện thân đứng trước người ấy.

Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Chương Ngại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có chúng sinh nào nghe Phật nói về công đức của Như Lai mà không tin chăng?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Có những chúng sinh nghe Phật nói công đức của Như Lai, họ dùng ác khẩu nói năng thô lỗ, sinh tâm sân hận, sinh tưởng oán ghét người thuyết pháp. Do nhân duyên ấy nên sau khi xả thân liền bị đọa vào địa ngục, thọ khổ vô lượng.

Thiện nam! Có các chúng sinh nghe công đức Phật liền sinh hoan hỷ. Họ tưởng người nói pháp như bạn lành, tưởng như Đức Như Lai. Thiện nam! Những chúng sinh này tin đạo lý tối cực, ở đời quá khứ đã từng nghe công đức như vậy của Như Lai. Những chúng sinh này ở trong đại chúng nói rằng: “Nơi đời quá khứ ta đã từng nghe Như Lai nói công đức Phật, không khác ngày nay trong kinh đã nói.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn đưa tướng lưỡi dài che khuôn mặt mình. Che mặt xong, lại che đỉnh đầu. Che đỉnh đầu xong lại che thân. Che thân xong, lại che tòa Sư tử. Che tòa Sư tử xong, lại che Bồ-tát và chúng Thanh văn. Che chúng Thanh văn xong lại che các chúng Thích, Phạm, Tứ thiên. Phủ khắp đại chúng như vậy rồi thu tướng lưỡi lại, hỏi đại chúng:

–Như Lai Thế Tôn có tướng lưỡi này, lại có thể vọng ngữ sao?

Thiện nam! Các ông nên tin điều Như Lai nói là chắc chắn, chẳng hư vọng. Đời vị lai, nếu ai tin kinh này thì những người ấy đời đời được lợi ích, an lạc vô tận.

Khi Như Lai giảng nói điều ấy, có tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát chứng đắc pháp Nhãn vô sinh; vô lượng, vô biên các loại chúng sinh lìa xa trần cấu, đạt Pháp nhãn thanh tịnh ở trong pháp Phật. Vô lượng chúng sinh chưa phát tâm Bồ-đề, khi ấy đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

